

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2025/HS-ST
Ngày 19 – 6 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Từ Anh Tuấn;
- Bà Hoàng Lệ Chi;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Văn phòng khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 172/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành S, sinh năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh. HKTT: Số B đường số F nổi dài, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958 và bà Trần Thị T, sinh năm 1961 (Đã chết); Bị cáo có 01 anh sinh năm 1988; Bị cáo có vợ tên Lý Thúy H, sinh năm 2000 (Đã ly hôn), có 01 con (sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 16/5/2023, bị Công an phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (ngày 30/6/2023 bị cáo đã đóng phạt).

+ Tại phiên tòa bị cáo khai ngày 17/6/2025, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 422/2025/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 2004, tại Thành phố Hồ Chí Minh. HKTT: Số A, đường T, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: Nhà không số, hẻm F, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (Không rõ tên cha) và bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1982; Bị cáo có 01 anh sinh năm 2002; Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Minh L, sinh năm 1994, tại Thành phố Hồ Chí Minh. HKTT: Số A đường T, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1954 và bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1971; Bị cáo có 01 chị (sinh năm 1991); Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 18/3/2016, bị Công an phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (ngày 23/3/2016 bị cáo đã đóng phạt).

+ Ngày 20/9/2017, bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 10 tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án số 288/2017/HSST (Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2018, đã đóng án phí ngày 27/12/2017 (Đã xóa án tích)).

+ Ngày 27/3/2019, bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc số 91/QĐ-TA (bị cáo chấp hành xong ngày 23/01/2021).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Trịnh Ngọc S1, sinh năm 1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh. HKTT: Số H N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở: Phòng A05 Nhà trọ số 41/7/4 đường số D, Khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn H1, không rõ năm sinh và bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1956; Bị cáo có 03 anh em (lớn nhất sinh năm 1982 và nhỏ nhất là bị cáo); Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Minh Q1; Vắng mặt.

+ Bà Võ Mộng T2; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

+ Ông Lê Xuân T3; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Ông Trần Anh K; Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hoài L2; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 05/8/2024, Nguyễn Thành S cùng Nguyễn Thị Tuyết N1 đến quán C1 thuộc phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh uống cà phê và nghỉ trưa. Sau đó, S gọi cho Trần Minh L là bạn bè quen biết ngoài xã hội đến ngồi uống cà phê cùng S và N1. Tại đây S, L, N1 nói chuyện và chơi game thì S thắng game và đổi được số tiền 800.000 đồng nhưng do tài khoản ngân hàng của S bị khóa nên S mượn số tài khoản 0909015660 do L đứng tên mở tại Ngân hàng M1 để S chuyển 800.000 đồng từ game về tài khoản của L thì L đồng ý.

Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Nguyễn Thành S nói đi lấy đồ (L, N1 biết là đi mua ma túy) và Nguyễn Thành S bắt xe ôm đến phòng trọ A05, nhà trọ số D, đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Trịnh Ngọc S1 và hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì được Trịnh Ngọc S1 bán cho 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng. Nguyễn Thành S trả số tiền 500.000 đồng bằng tiền mặt. Sau khi mua được ma túy, Nguyễn Thành S quay về lại quán cà phê và cầm gói ma túy mới mua được trên tay thì L, N1 nhìn thấy và biết Nguyễn Thành S có ma túy. Sau đó, Nguyễn Thành S rủ L, N1 đi thuê nhà nghỉ để sử dụng ma túy thì L, N1 đều đồng ý; Rồi cả ba thuê taxi đến nhà nghỉ 180 tại số D đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương thuê phòng sử dụng ma túy.

Khi vào nhà nghỉ thì Nguyễn Thành S trực tiếp hỏi thuê phòng rồi kêu Trần M Luân chuyển 250.000 đồng để trả tiền thuê phòng (tiền Nguyễn Thành S gửi nhờ vào tài khoản của L). Lúc này quản lý nhà nghỉ yêu cầu cung cấp căn cước công dân thì Phạm Thị Tuyết N2 cung cấp căn cước công dân của N2 cho quản lý nhà nghỉ, sau đó cả nhóm thuê được phòng số 106.

Sau khi thuê được phòng 106 thì Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trần Minh L cùng đi lên phòng nghỉ. Khi lên tới nơi, Nguyễn Thành S để gói ma túy lên trên nệm giường, L đi tìm dụng cụ để sử dụng ma túy thì tìm thấy trên đầu tủ quần áo trong phòng nghỉ có nỏ thủy tinh, nắp chai nhựa và ống hút nhựa nên L lấy và lắp vào chai nhựa có sẵn trong phòng tạo thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Tiếp đó, S lấy gói ma túy đổ một phần nhỏ vào nỏ đốt lên sử dụng, cùng L và N1. Số ma túy còn lại, S kéo dính miệng túi nylon lại và để trên giường để cho lần sử dụng ma túy tiếp theo.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 05/8/2024 trong lúc S, N1, L đang sử dụng ma túy thì lực lượng Công an đến kiểm tra, Nguyễn Thành S cầm bộ D đang sử dụng ma túy cất giấu trong ngăn dưới của tủ quần áo trong phòng, còn L mở cửa cho lực lượng Công an vào kiểm tra thì phát hiện và thu giữ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa, ống hút nhựa, nỏ thủy tinh (trong nỏ thủy tinh có chứa chất màu trắng) và 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng. S, N1 và L khai nhận chất tinh thể màu trắng là ma túy do Nguyễn Thành S mua của Trịnh Ngọc

S1 về sử dụng. Vì vậy, lực lượng Công an lập biên bản, niêm phong tang vật và đưa S1, N1 và L về trụ sở làm việc.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Ngọc S1 tại địa chỉ: Phòng trọ A, nhà trọ số D, đường D, Khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện và thu giữ:

- + Trong túi áo khoác S1 đang mặc có 03 (ba) túi nylon miệng kéo dính đều chứa tinh thể màu trắng.

- + Trong túi quần Jean phía trước bên phải S1 đang mặc có 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng.

- + Trên gác phòng trọ có 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm chai nhựa gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh, trong nỏ thủy tinh còn chất màu nâu; 06 (sáu) nỏ thủy tinh chưa qua sử dụng;

- + Trên tủ quần áo có 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng.

Quá trình điều tra, bị cáo Trịnh Ngọc S1 khai nhận tinh thể màu trắng là ma túy đá do Trịnh Ngọc S1 mua của một người tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) ngày 05/8/2024, với giá 1.000.000 đồng tại bãi đất trống cách nhà trọ của S1 khoảng 200 mét. Sau khi mua được ma túy thì S1 lấy 01 (một) túi ma túy đá mang về phòng trọ đổ vào bộ dụng cụ nấu lên sử dụng một mình nhưng chưa sử dụng hết. Đến khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 05/8/2024, Trịnh Ngọc S1 bán cho Nguyễn Thành S 01 (một) túi nylon miệng kéo dính ma túy đá với giá 500.000 đồng, còn 05 (năm) túi nylon miệng kéo dính đều chứa ma túy đá thì S cất giấu trên người và trên gác phòng trọ nhằm mục đích sử dụng dần. Đối với 06 (sáu) nỏ thủy tinh chưa qua sử dụng là của S mua trên mạng về cất giấu nhằm mục đích dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy của mình. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản niêm phong vật chứng và đưa Trịnh Ngọc S1 về trụ sở làm việc.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy xác định Nguyễn Thành S, Trịnh Ngọc S1, Trần Minh L, Nguyễn Thị Tuyết N1 đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 3752/KL-KTHS(MT) ngày 14/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Các mẫu tinh thể màu trắng và màu nâu, gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng: M1=1,3282 gam, M2= 0,1601 gam (thu giữ của Nguyễn Thành S, L, N1); M3 =0,2574 gam, M4= 2,4840 gam, M5= 1,0735 gam, M6= 0,3799 gam (M6) (thu giữ của Trịnh Ngọc S1).

* Vật chứng thu giữ:

- + 01 (một) Bì thư niêm phong chứa chất tinh thể màu trắng, ký hiệu M1, khối lượng 1,3282 gam và 01 Bì thư niêm phong có 01 (một) phần đầu nỏ thủy tinh chứa chất tinh thể màu trắng, ký hiệu M2, khối lượng 0,1601 gam (thu giữ của Nguyễn Thành S, L, N1).

- + 01 (một) Bì thư niêm phong bên trong có 01 nỏ thủy tinh chứa chất màu nâu, ký hiệu M3, khối lượng 0,2574 gam (thu giữ của Trịnh Ngọc S1).

+ 01 (một) Bì thư niêm phong bên trong có 01 gói nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng, ký hiệu M4, khối lượng 2,4840 gam (thu giữ của Trịnh Ngọc S1).

+ 01 (một) Bì thư niêm phong bên trong có 03 gói nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng, ký hiệu M5, khối lượng 1,0735 gam (thu giữ của Trịnh Ngọc S1).

+ 01 (một) Bì thư niêm phong bên trong có 01 gói nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng, ký hiệu M6, khối lượng 0,3799 gam (thu giữ của Trịnh Ngọc S1).

+ 06 (sáu) nỏ thủy tinh (thu giữ của Trịnh Ngọc S1).

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa (thu giữ trong phòng nghi).

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa (thu giữ trong phòng trọ của Trịnh Ngọc S1).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 thu giữ của Trần Minh L;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 gắn sim số 0938543346 thu giữ của Trịnh Ngọc S1.

Tại Bản Cáo trạng số: 193/CT-VKS-DA ngày 19 tháng 5 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố:

Đối với các bị cáo Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm b khoản 2 Điều 255 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đối với bị cáo Trịnh Ngọc S1 về các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 1 Điều 254 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho hai tội là 10 (mười) năm đến 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N1 từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: Tàng trữ trái

phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho hai tội là 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh L từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù 06 (sáu) tháng tù về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng đến 11 (mười một) năm tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 1 Điều 254; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc S1 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy; từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy và từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội: Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho ba tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 06 (sáu) bì thư được niêm phong ghi số 3752/PC09M1; 3752/PC09M2; 3752/PC09M3; 3752 PC09M4; 3752/PC09M5; 3752/PC09M6. Bên trong chứa M1= 1,2659 gam; M2= 0,1365 gam và 01 phần đầu nỏ thủy tinh; M3= 0,2128 gam và 01 nỏ thủy tinh; M4 2,4648 gam; M5= 1,0442 gam; MG= 0,3481 gam ma túy, loại Methamphetamine, là khối lượng ma túy còn lại sau giám định đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 06 (sáu) Nỏ thủy tinh là dụng cụ sử dụng ma túy đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa (thu giữ trong phòng nghỉ của Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Trần Minh L) đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa (thu giữ trong phòng trọ của Trịnh Ngọc S1) đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 là phương tiện Trần Minh L sử dụng để chuyển tiền thuê nhà nghỉ nhằm mục đích sử dụng ma túy đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 gắn Sim số 0938543346, là phương tiện Trịnh Ngọc S1 sử dụng để liên lạc mua ma túy của đối tượng M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với điện thoại và tịch thu tiêu hủy đối với sim số.

* Đối với người thanh niên tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng số điện thoại 0588279472 gọi điện thoại cho Trịnh Ngọc S1 để bán ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi 03 lần yêu cầu nhà mạng Vietnammobile cung cấp thông tin chủ thuê bao nhưng chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

* Đối với số tiền 500.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán ma túy của Trịnh Ngọc S1, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Trịnh Ngọc S1 nộp để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Điều tra viên, Cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm Sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Nguyễn Minh Q1, Võ Mộng T2, Lê Xuân T3; Vắng mặt người chứng kiến Trần Anh K, Nguyễn Hoài L2. Tuy nhiên, tất cả họ đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tiếp tục xét xử.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa; Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05/8/2024; Biên bản khám xét ngày 06/8/2024; Căn cứ Kết luận giám định số 3752/KL-KTHS(MT) ngày 14/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B và các chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

- Đối với Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 05/8/2024, Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L đã có hành vi bàn bạc, thống nhất cùng nhau thuê phòng số 106 của Nhà nghỉ A có địa chỉ tại: Số D, đường A, khu phố B, phường A, thành phố D để sử dụng ma túy. Trong đó Nguyễn Thành S cung cấp ma túy, tiền thuê phòng cũng là tiền của Nguyễn Thành S (trong tài khoản của L), Nguyễn Thị Tuyết N1 sử dụng căn cước công dân của N1 để thuê phòng sử dụng ma túy, Trần Minh L chuyển khoản để thanh toán tiền thuê phòng và là người tạo bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Tại thời điểm bắt giữ, Lực lượng Công an thu giữ một nỏ thủy tinh chứa chất màu trắng là Methamphetamine, khối lượng 0,1601 gam. Các bị cáo Nguyễn Thành S, L, N1 khai nhận là ma túy đang sử dụng đang dở, chưa sử dụng hết. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khối lượng 0,1601 gam Methamphetamine thu giữ trong nỏ thủy tinh là vật chứng của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma

tuý”.

Ngoài ra, tại thời điểm bắt giữ, Lực lượng Công an còn thu giữ 1,3282 gam tinh thể màu trắng là ma túy loại Methamphetamine đựng trong 01 (một) túi nylon miệng kéo dính. Đây là số ma túy Nguyễn Thành S mua để sử dụng, sau khi đổ ra một ít để sử dụng thì S đã kéo dính miệng túi chứa lại số ma túy này để cho Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L cùng sử dụng lần tiếp theo, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Do đó, hành vi của Nguyễn Thành S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nguyễn Thành S “Tàng trữ trái phép chất ma túy” trong phòng số 106 của Nhà nghỉ 108, phòng này do Nguyễn Thị Tuyết N1 sử dụng căn cước công dân của N1 để thuê, Trần Minh Luân C tiền từ tài khoản của L để thuê. Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L biết rõ số ma túy này Nguyễn Thành S chứa lại cho mình cùng sử dụng và đồng ý. Do đó, Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L có vai trò là đồng phạm với Nguyễn Thành S về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với Trịnh Ngọc S1: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 05/8/2024, tại phòng trọ A05, nhà trọ số D, đường D, Khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Trịnh Ngọc S1 có hành vi bán cho Nguyễn Thành S 500.000 đồng ma túy, loại Methamphetamine. Ngoài ra, ngày 06/8/2024 khám xét nơi ở của S còn thu giữ tổng cộng 4,1948 gam ma túy loại Methamphetamine trong phòng trọ và trên người của Trịnh Ngọc S1, đây là ma túy Trịnh Ngọc S1 dùng để sử dụng, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy; thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa; thu giữ 06 nỏ thủy tinh chưa qua sử dụng dùng để sử dụng ma túy.

Do đó, hành vi của Trịnh Ngọc S1 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, Cáo trạng truy tố các bị cáo với tội danh, điều, khoản và điểm nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Ma túy là loại chất gây nghiện nguy hiểm, người sử dụng ma túy sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng đồng thời là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác, tạo nên ảnh hưởng xấu cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không

có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò cụ thể giữa các bị cáo.

Trong đó, Nguyễn Thành S là người cung cấp và rủ rê Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L sử dụng ma túy, tiền thuê phòng cũng là tiền của Nguyễn Thành S (trong tài khoản của L); Trần Minh L chuyển khoản để thanh toán tiền thuê phòng và là người tạo bộ dụng cụ sử dụng ma túy; Nguyễn Thị Tuyết N1 sử dụng căn cước công dân của N1 để thuê phòng sử dụng ma túy; Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo Nguyễn Thành S có vai trò cao nhất, sau đó là bị cáo Trần Minh L và cuối cùng là Nguyễn Thị Tuyết N1.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N1, Trịnh Ngọc S1 có nhân thân tốt.

Bị cáo Nguyễn Thành S: Ngày 16/5/2023, bị Công an phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (ngày 30/6/2023 bị cáo đã đóng phạt). Ngày 17/6/2025, bị Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 422/2025/HSST.

Bị cáo Trần Minh L: Ngày 18/3/2016, bị Công an phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (ngày 23/3/2016 bị cáo đã đóng phạt). Ngày 20/9/2017, bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 10 tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án số 288/2017/HSST (Đã xóa án tích). Ngày 27/3/2019, bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số (chấp hành xong ngày 23/01/2021).

Từ những phân tích nêu trên cho thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy đã áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 06 (sáu) bì thư được niêm phong ghi số 3752/PC09M1; 3752/PC09M2; 3752/PC09M3; 3752/PC09M4; 3752/PC09M5; 3752/PC09M6. Bên trong chứa M1= 1,2659 gam; M2= 0,1365 gam và 01 phần đầu nỏ thủy tinh; M3= 0,2128 gam và 01 nỏ thủy tinh; M4 2,4648 gam; M5= 1,0442 gam; MG= 0,3481 gam ma túy, loại Methamphetamine, là khối lượng ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 06 (sáu) Nổ thủy tinh là dụng cụ sử dụng ma túy cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa (thu giữ trong phòng nghỉ của S, N1, L) cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa (thu giữ trong phòng trọ của Trịnh Ngọc S1) cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 là phương tiện Trần Minh L sử dụng để chuyển tiền thuê nhà nghỉ nhằm mục đích sử dụng trái phép chất ma túy cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 gắn Sim số 0938543346, là phương tiện Trịnh Ngọc S1 sử dụng để liên lạc mua ma túy của đối tượng M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với điện thoại và tịch thu tiêu hủy đối với sim số.

[10] Biện pháp tư pháp: Bị cáo Trịnh Ngọc S1 bán ma túy trái phép cho Nguyễn Thành S với số tiền 500.000 đồng. Đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo Trịnh Ngọc S1 nộp lại số tiền này để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với người thanh niên tên M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng số điện thoại 0588279472 gọi điện thoại cho Trịnh Ngọc S1 để bán ma túy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi 03 lần yêu cầu nhà mạng Vietnammobile cung cấp thông tin chủ thuê bao nhưng chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[12] Từ những nhận định nêu trên, nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về tội danh, loại hình phạt, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc S1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma

túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho hai tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 05/8/2024.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N1 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 05/8/2024.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Trần Minh L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 05/8/2024.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 1 Điều 254; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc S1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; 04 (bốn) năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho ba tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 06/8/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy đối với:

+ 06 (sáu) bì thư được niêm phong ghi số 3752/PC09M1; 3752/PC09M2; 3752/PC09M3; 3752 PC09M4; 3752/PC09M5; 3752/PC09M6. Bên trong chứa M1= 1,2659 gam; M2= 0,1365 gam và 01 phần đầu nỏ thủy tinh; M3= 0,2128 gam và 01 nỏ thủy tinh; M4 2,4648 gam; M5= 1,0442 gam; MG= 0,3481 gam ma túy, loại Methamphetamine, là khối lượng ma túy còn lại sau giám định.

+ 06 (sáu) Nỏ thủy tinh là dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy.

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa (thu giữ trong phòng nghỉ).

+ 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Chai nhựa gắn ống hút nhựa (thu giữ trong phòng trọ của Trịnh Ngọc S1).

+ Sim số 0938543346 thu của Trịnh Ngọc S1;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước đối với:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 thu của Trần Minh L.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy thu của Trịnh Ngọc S1.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2025).

3. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc S1 nộp số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị Tuyết N1, Trần Minh L, Trịnh Ngọc S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- PV 06 - Công an tỉnh Bình Dương (01);
- PC 10 - Công an tỉnh Bình Dương (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú hoặc nơi phát hiện tội phạm (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- THA hình sự (04);
- Phân trại tạm giam khu vực TP. Dĩ An (01);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam